

Số **2596** /QĐ-BNN-QLCL

Hà Nội, ngày **15** tháng **9** năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chỉ định phòng kiểm nghiệm của Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường  
Chất lượng Bình Thuận là phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 115/2008/QĐ-BNN ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định tạm thời về yêu cầu đối với phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 116/2008/QĐ-BNN ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chế đánh giá và chỉ định phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản;

Căn cứ Biên bản đánh giá phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản đối với phòng kiểm nghiệm của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tại Tờ trình số 1484/QLCL-KN ngày 24 tháng 8 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định Phòng kiểm nghiệm của Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận, địa chỉ: 04 Nguyễn Hội – Tp. Phan Thiết – Tỉnh Bình Thuận là phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản.

**Điều 2.** Phòng kiểm nghiệm nêu tại Điều 1 được tham gia phân tích các chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu chất lượng nông lâm thủy sản nêu tại Phụ lục 1 theo yêu cầu hoặc thỏa thuận của các tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản, các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng nông lâm thủy sản và của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Phòng kiểm nghiệm nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định nêu tại Điều 23, Quy chế đánh giá, chỉ định phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản ban hành kèm theo Quyết định 116/2008/QĐ-BNN ngày 3/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chi Cục trưởng Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Cục, Vụ trực thuộc Bộ (để p/h);
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**  
  
*[Handwritten signature]*  
**Lương Lê Phương**

Phụ lục Danh mục chỉ tiêu được chỉ định của Phòng kiểm nghiệm  
 Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận  
 (ban hành theo Quyết định số 2596/QĐ-BNN-QLCL ngày 15/9/2009  
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

### I. Lĩnh vực Hóa học

TT	Tên mẫu, sản phẩm phân tích	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện (nếu có)
1	Thủy sản, sản phẩm thủy sản	Xác định hàm lượng nước	TCVN 3700 - 90	0,8 %
2	Thủy sản, sản phẩm thủy sản	Xác định hàm lượng muối NaCl	TCVN 3701 - 1-90	0,1 g/L
3	Thủy sản, sản phẩm thủy sản	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số	TCVN 3705 - 90	0,5 %
4	Thủy sản, sản phẩm thủy sản	Xác định hàm lượng Nitơ Amoniac	TCVN 3706 - 90	0,5 %
5	Thủy sản, sản phẩm thủy sản	Xác định hàm lượng Tro	AOAC 938.08	0,1 %
6	Thủy sản, sản phẩm thủy sản	Dư lượng Chloramphenicol	Phương pháp nội bộ	0,05 ppb
7	Thủy sản, sản phẩm thủy sản	Dư lượng Green Malachite và Leuco Green Malachite	Phương pháp nội bộ	0,5 ppb

### II. Lĩnh vực Sinh học

TT	Tên mẫu, sản phẩm phân tích	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị tính
1	Thực phẩm	Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí	TCVN 4884: 2005	CFU/g
2	Thực phẩm	Định lượng Coliforms tổng số	TCVN 4882: 2007	CFU/g
3	Thực phẩm	Định lượng E.Coli	TCVN 6846: 2007	MPN/g
4	Thực phẩm	Định lượng Staphylococci phản ứng dương tính với Coagulase	TCVN 4830-1: 2005	CFU/g
5	Thực phẩm	Định tính Salmonella	TCVN 4829: 2005	Không phát hiện/ 25 g
6	Thực phẩm	Định tính Vibrio parahaemolyticus	ISO/TS 21872-1: 2007	Không phát hiện/ 25 g
7	Thực phẩm	Định lượng tổng số bào tử Nấm men, nấm mốc	TCVN 4993: 1989	CFU/g
8	Thực phẩm	Định lượng Clostridium perfringens	TCVN 4991: 2005	CFU/g

LawSoft \* Tel: +84-8-3930 3279 \* www.ThuVienPh